

Số: /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế
trên địa bàn tỉnh đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 291/QĐ-TTg, ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030; Quyết định số 1069/QĐ-BYT ngày 17/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030; trên cơ sở tham mưu của Sở Y tế tại Tờ trình số 7015/TTr-SYT ngày 24/7/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030 bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thực tiễn của tỉnh.

- Thông qua việc tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, góp phần bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh; bảo đảm nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời góp phần thực hiện thành công mục tiêu của Chiến lược Dân số Việt Nam và các mục tiêu dân số trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, hướng tới phát triển nhanh, bền vững.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, thống nhất của các cấp ủy đảng, chính quyền; phát huy vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đoàn thể và chính quyền các cấp trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Các nhiệm vụ, giải pháp phải được cụ thể hóa phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm dân số của địa phương; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với mục tiêu tại Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường phối hợp liên ngành trong quá trình tổ chức thực hiện; lồng ghép hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chú trọng các hoạt động tuyên truyền phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục của từng vùng, từng dân tộc; đẩy mạnh truyền thông trực tiếp tại cộng đồng thông qua người có uy tín.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tổng tỷ suất sinh trên địa bàn toàn tỉnh tăng mỗi năm trung bình 2%.
- Trên 95% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ trên địa bàn tỉnh được cung cấp thông tin về kết hôn, sinh con.
- 100% xã, phường thực hiện các chính sách hỗ trợ các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi con.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân số trong tình hình mới, trọng tâm là chuyển hướng từ “kế hoạch hóa gia đình” sang “dân số và phát triển”. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền về vai trò của việc bảo đảm tăng tỷ lệ sinh ở những vùng có dưới mức sinh thay thế, duy trì mức sinh thay thế đối với phát triển kinh tế - xã hội bền vững và bảo đảm nguồn lực lâu dài.

- Thường xuyên, phối hợp và cung cấp thông tin về dân số, mức sinh cho cấp ủy Đảng, chính quyền nhằm phục vụ xây dựng Nghị quyết, Kế hoạch, Chương trình hằng năm và theo giai đoạn, thống nhất nhận thức và tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện mục tiêu đạt và duy trì mức sinh thay thế.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo quán triệt, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân số. Lồng ghép nội dung dân số và phát triển vào các hội nghị giao ban, hội nghị chuyên đề của đơn vị, địa phương để tăng cường chỉ đạo thường xuyên.

b) Xây dựng các kế hoạch, chương trình của địa phương, đơn vị; đồng thời đưa các chỉ tiêu cụ thể về mức sinh vào các Chương trình, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị; phát huy vai trò Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển các cấp trong việc phối hợp liên ngành trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số phù hợp với thực tiễn trong tình hình mới.

Hàng năm, rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện, trên cơ sở đó kịp thời tham mưu điều chỉnh các giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu duy trì mức sinh thay thế.

c) Thường xuyên giám sát, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện của các địa phương, đơn vị để có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

d) Phát huy vai trò nêu gương của mỗi cán bộ, đảng viên, người đứng đầu

cấp ủy, chính quyền, địa phương, đơn vị trong việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật về công tác dân số, nhất là việc vận động, khuyến khích, hỗ trợ đẻ cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

a) Tiếp tục tổ chức tuyên truyền việc triển khai, thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017¹; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị²; Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị³; Luật Dân số số 113/2025/QH15; Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ⁴; Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1069/QĐ-BYT ngày 17/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Kế hoạch số 105-KH/TU ngày 08/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy⁵; Kế hoạch số 284-KH/TU ngày 23/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy⁶; Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 04/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy⁷; Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 16/7/2025 của UBND tỉnh⁸; Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh⁹,...

b) Xây dựng phóng sự, bản tin, viết bài phát trên truyền hình, truyền thanh và trên mạng xã hội. Xây dựng thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn, nhóm đối tượng, tập trung vận động và khuyến khích kết hôn, sinh con để đạt và để duy trì mức sinh thay thế.

d) Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động với các hình thức đa dạng, phong phú, sinh động, hấp dẫn và phù hợp với các đối tượng. Nâng cao hiệu quả của truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, chú trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thông đa phương tiện, internet, mạng xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số đưa công tác dân số đến với mọi tầng lớp nhân dân. Đặc biệt, đẩy mạnh truyền thông trực tiếp tại hộ gia đình, thôn, bản, tổ dân phố thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, tuyên truyền viên và nhân viên y tế cơ sở, người có uy tín trong cộng đồng. Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác

¹ Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

² Về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

³ Về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

⁴ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số.

⁵ Về hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

⁶ Thực hiện Kết luận số 149-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

⁷ Về thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

⁸ triển khai thực hiện Kế hoạch số 284-KH/TU ngày 23/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 149-KL/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới

⁹ Thực hiện Nghị quyết 282/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về dân số và phát triển; lồng ghép nội dung bảo đảm mức sinh thay thế vào các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc.

e) Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục, như: (1) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho giáo viên, nhân viên y tế trường học trong công tác tuyên truyền, giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản phù hợp với từng cấp học; (2) Triển khai các hoạt động truyền thông, tư vấn, nâng cao nhận thức cho học sinh về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, xây dựng lối sống lành mạnh, chuẩn bị kiến thức cho thanh niên trước khi kết hôn.

3. Điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích

- Rà soát, nghiên cứu đề xuất sửa đổi các quy định không phù hợp với mục tiêu đạt và duy trì vững chắc mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các quy định xử lý vi phạm chính sách dân số hiện hành.

- Rà soát, bổ sung các chính sách hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh con, sinh đủ hai con, phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục phù hợp, bảo đảm công bằng trong tiếp cận các loại hình giáo dục, nhất là giáo dục công lập.

4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ có liên quan

- Phổ cập dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản (KHHGĐ/CSSKSS) tới mọi người dân đảm bảo công bằng, bình đẳng trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ, không phân biệt giới, người đã kết hôn, người chưa kết hôn. Lồng ghép các hoạt động phổ cập dịch vụ KHHGĐ/CSSKSS với Chương trình củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ đến năm 2030.

- Tổ chức Chiến dịch cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình ở những địa bàn trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, biên giới, hải đảo.

- Đào tạo, đào tạo lại kỹ thuật đặt tháo dụng cụ tử cung, cấy que cấy tránh thai cho đội ngũ nhân viên y tế thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại các cơ sở y tế.

- Thực hiện hỗ trợ phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển, biên giới và hải đảo.

- Thực hiện quản lý, theo dõi sử dụng, cấp phát phương tiện tránh thai cho các đối tượng ưu tiên theo quy định.

- Tư vấn về phòng, tránh và điều trị cho nam, nữ chuẩn bị kết hôn các nguy cơ sinh con dị tật và mắc các bệnh hiểm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn.

5. Các nhiệm vụ và giải pháp khác

a) Công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

- Tiếp tục đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và các nhiệm vụ mới về chuyển trọng tâm nội dung từ giảm sinh sang điều chỉnh mức sinh để đạt và duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên cập nhật kiến thức mới, tập huấn lại cho đội ngũ giảng viên tuyến xã, phường về kiến thức, kỹ năng mới.

- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác dân số các cấp, các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội.

b) Nghiên cứu khoa học và hệ thống tin quản lý

Củng cố, hoàn thiện chỉ tiêu về quy mô dân số và mức sinh. Thường xuyên cung cấp, thông tin về dân số và thực trạng mức sinh cho các cơ quan chỉ đạo, điều hành ở Trung ương và của tỉnh.

c) Kiểm tra, giám sát, đánh giá và sơ kết tổng kết

Sở Y tế, thường xuyên, định kỳ và đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát hỗ trợ, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch chương trình từ đó tìm ra nguyên nhân và giải pháp bổ sung cho nhiệm vụ năm sau.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán hằng năm của các cơ quan, đơn vị và địa phương, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước; từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì xây dựng Kế hoạch hằng năm để tổ chức thực hiện; chủ động phối hợp và hỗ trợ nội dung tuyên truyền, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân số và phát triển cho các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức các hoạt động truyền thông, cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình.

- Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền, sửa đổi, bổ sung các văn bản, chính sách khuyến khích, hỗ trợ thực hiện công tác dân số phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế, tổ chức sơ kết, tổng kết, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Y tế và các đơn vị, địa phương, khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan đề tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình và hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác dân số; đồng thời tuyên truyền sâu rộng nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng dân số và phát triển bền vững của tỉnh.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai các chương trình, dự án do ngành chủ trì liên quan đến mục tiêu giảm sinh trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách đối với lao động nữ, đặc biệt lao động nữ trong độ tuổi sinh đẻ và nuôi con nhỏ. Phối hợp với Sở Y tế tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số các cấp; nghiên cứu, đề xuất bố trí, sắp xếp nhân lực phù hợp.

5. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu phát triển hệ thống hạ tầng xã hội, đặc biệt là nhà ở, thiết chế văn hóa, cơ sở dịch vụ công cộng phù hợp với nhu cầu của các gia đình, người lao động; lồng ghép yếu tố dân số trong quy hoạch, phát triển đô thị, khu công nghiệp, góp phần tạo môi trường thuận lợi cho việc sinh con và nuôi dạy con.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường lồng ghép nội dung giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, giới và bình đẳng giới trong các hoạt động giáo dục; phối hợp với ngành Y tế triển khai các hoạt động truyền thông, tư vấn, nâng cao nhận thức cho học sinh về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, xây dựng lối sống lành mạnh, chuẩn bị kiến thức cho thanh niên trước khi kết hôn.

7. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Chủ trì phối hợp với Sở Y tế tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về dân số, Chương trình đảm bảo mức sinh thay thế, sức khỏe sinh sản cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng có kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Chỉ đạo tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm tôn giáo; phát huy vai trò của người có uy tín, chức sắc tôn giáo trong vận động người dân thực hiện chính sách dân số; lồng ghép nội dung dân số trong các Chương trình, Chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

8. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

Chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền, vận động trong hệ thống chính trị về dân số và phát triển, trong đó tập trung nội dung bảo đảm mức sinh thay thế; đưa nội dung dân số vào sinh hoạt chi bộ.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện chính sách dân số, trong đó tập trung nội dung bảo đảm mức sinh thay thế; lồng ghép nội dung dân số vào các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước; tham gia triển khai và giám sát việc thực hiện Chương trình, các Chính sách về dân số trên địa bàn tỉnh.

- Phát huy vai trò của Ban Công tác Mặt trận, người có uy tín trong cộng đồng, chức sắc tôn giáo trong tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện kết hôn và sinh con trong độ tuổi phù hợp, sinh đủ hai con, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

- Chủ động phối hợp với ngành Y tế và các cơ quan liên quan triển khai các hoạt động truyền thông, giám sát việc thực hiện các chính sách dân số; kịp thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của nhân dân liên quan đến công tác dân số và phát triển.

10. Đề nghị Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa

Tăng cường tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số và phát triển, trong đó chú trọng nội dung bảo đảm mức sinh thay thế; xây dựng các tin, bài, phóng sự phản ánh thực trạng, xu hướng mức sinh và các giải pháp thực hiện tại địa phương, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về sinh đủ hai con, kết hôn và sinh con trong độ tuổi phù hợp.

11. Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp, triển khai các giải pháp bảo đảm mức sinh thay thế; lồng ghép nội dung dân số và phát triển vào chương trình, kế hoạch của ngành.

12. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; bố trí kinh phí và huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch; phân công nhiệm vụ cho các đơn vị, cá nhân liên quan; đưa chỉ tiêu dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm; thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai công tác dân số tại cơ sở; chủ động phối hợp các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai thực hiện và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Ủy ban

nhân dân các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Y tế) để xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Thành viên BCĐ Dân số và phát triển tỉnh¹⁰;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, VHXXH_{NVH}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm

¹⁰ QĐ số 2768/QĐ-UBND ngày 18/8/2025; QĐ số 4105/QĐ-UBND ngày 29/12/2025.

Phụ lục
CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh.	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Quý III//2026
2	Tổ chức triển khai đồng bộ các nội dung Kế hoạch, đưa chỉ tiêu về quy mô dân số, mức sinh vào Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch hành động hằng năm.	Sở Y tế; UBND xã, phường	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Hằng năm
3	Rà soát, đề xuất sửa đổi các quy định không phù hợp với mục tiêu đạt và duy trì vững chắc mức sinh thay thế, đặc biệt là các quy định xử lý vi phạm chính sách dân số hiện hành.	Sở Y tế; UBND xã, phường	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Hằng năm
4	Rà soát, bổ sung các chính sách hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh con, sinh đủ hai con, phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi.	Sở Y tế; UBND xã, phường	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Hằng năm
5	Tổ chức các hoạt động truyền thông, vận động thay đổi hành vi về kết hôn, sinh con, duy trì mức sinh thay thế.	Sở Y tế; UBND xã, phường	Các sở, ban, ngành; Các đơn vị liên quan	Hằng năm
6	Tham mưu, bố trí kinh phí và hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch.	Sở Tài chính	Sở Y tế; Các đơn vị liên quan	Hằng năm
7	Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong nhà trường.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
8	Đẩy mạnh truyền thông trên báo chí, phát thanh, truyền hình về duy trì mức sinh thay thế.	Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa	Sở Y tế; UBND xã, phường; Các đơn vị liên quan	Hằng năm
9	Cung cấp thông tin về dân số số, mức sinh phục vụ quản lý, điều hành.	Thống kê tỉnh	Sở Y tế; UBND xã, phường; Các đơn vị liên quan	Hằng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
10	Thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo dục phù hợp, bảo đảm công bằng trong tiếp cận các loại hình giáo dục, nhất là giáo dục công lập.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND xã, phường; Các đơn vị liên quan	Hàng năm
11	Khuyến khích phát triển các mô hình dịch vụ chăm sóc trẻ em, nhà trẻ tại khu công nghiệp, khu kinh tế.	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Xây dựng	UBND xã, phường; Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
12	Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ liên quan.	Sở Y tế	Các cơ sở y tế; UBND xã phường	Hàng năm
13	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức, cộng tác viên dân số.	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường; Các đơn vị liên quan;	Hàng năm
14	Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện.	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Hàng năm